

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 02-3-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đào Văn Vĩnh

2- Ông Phạm Văn Sáu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh
Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
225/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã VA,
huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp T, xã VA,
huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà L xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà
Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện sống chung như vợ chồng và có
tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1999 nhưng
không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hòa
hợp, quan điểm sống khác nhau nên giữa bà L và ông T thường xuyên cãi nhau,
cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà
L và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 25/12/2000 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 06/8/2006. Khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc H đã trưởng thành, phát triển bình thường có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, bà L xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.* Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt. Tại Biên bản không lấy lời khai của đương sự được ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đối với ông Nguyễn Thanh T thì được Trưởng ấp T, xã VA, huyện V, xác định: Ông T không có mặt ở nhà, thường xuyên đi vắng từ sáng sớm đến chiều tối mới về nhà nên Tòa án không ghi ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 06/8/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Thanh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T hiện đang cư trú tại xã VA, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn bà L yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa còn bị đơn ông T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1999, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng bà L và ông T không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, tuyên bố không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 25/12/2000 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 06/8/2006 (hiện cháu N đang sống chung với bà L). Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không có ý kiến về việc người trực tiếp nuôi con.

[4.1] Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Bảo N của bà L. Xét thấy, hiện cháu N đang sống chung với bà L và cháu N có nguyện vọng sống chung với bà L. Để không làm xáo trộn tâm lý cũng như phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 06/8/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.2] Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 25/12/2000. Xét thấy, cháu Hân hiện đã trưởng thành, không bị khuyết tật về thể chất và tinh thần, có thể tự nuôi sống bản thân và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 06/8/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hiện cháu N đang sống cùng bà L).

Ông Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008380 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Duy Khanh